TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **31**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2019
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG -TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lý Văn Lấy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hưng Quang
2. Ông Phạm Lê Thụy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Đào Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên toà: Bà Bích Thị Kim Pháp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 179/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc: *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn**:** Bà **Nguyễn Thạch T**, sinh năm 1996; Địa chỉ: Khu phố 14, khu phố 2, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bình Thuận

2. Bị đơn**:** Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khu phố 14, khu phố 2, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2019, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà ***Nguyễn Thạch T*** *trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện, không đăng ký kết hôn, đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 299/2015, ngày 18/11/2015. Cuộc sống chung, của vợ chồng thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông H thường xuyên rượu chè, không có trách nhiệm với con cái, dẫn

đến cãi vả qua lại, sống không hợp tính nhau, không tự giải quyết được, dẫn đến ly thân gần 01 năm nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà không còn tình cảm gì với ông H nữa, vì vậy bà kiên quyết ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 01 đứa con chung là Lê Thanh S, sinh ngày 10/7/2012. Hiện nay cháu S đang ở với bà, bà xin nhận nuôi dưỡng và giáo dục con cho đến khi trưởng thành, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Lê Văn H bất hợp tác, không đến Tòa làm việc theo giấy triệu tập nên Tòa không ghi được lời khai của ông H.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: Xác định mối quan hệ pháp luật cần giải quyết, thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Đề nghị tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thạch T. Bà T được ly hôn với ông Lê Văn H.

Về con chung: Giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Thanh S, sinh ngày 10/7/2012 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thạch T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt các văn bản, thủ tục tố tụng cho ông Lê Văn H nhưng không thực hiện được việc tống đạt được, do ông H không hợp tác, không ký nhận các văn bản tố tụng cho nên Tòa đã thực hiện việc niêm yết công khai các thủ tục tố tụng, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để đưa vụ ra xét xử vắng mặt ông H theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thạch T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa bà T và ông H được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2015. Vì vậy, áp dụng luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình sống chung do phát sinh mâu thuẫn nên bà T làm đơn xin ly hôn ông H, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông H thường xuyên rượu chè, có tính gia trưởng, làm có thu nhập tự chi tiêu cho cá nhân không có trách nhiệm với con cái, bà Thào thấy giữa bà và ông H có nhiều bất đồng trong cuộc sống cho nên bà kiên quyết ly hôn để trả tự do cho hai người. Xét thấy, giữa bà T và ông H hiện nay không còn sống chung, ly thân nhau trong một thời gian dài, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, bà T kiên quyết ly hôn không trở về đoàn tụ gia đình, ông H có biết bà T xin ly hôn ông nhưng ông cố tình lẫn tránh, không hợp tác với Tòa khi có giấy triệu tập, bất chấp mọi vấn đề bà T đưa ra. Chứng tỏ, tình nghĩa vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông H.

Về con chung: Tại phiên tòa bà T xin tiếp tục nhận nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lê Thanh S đến khi trưởng thành. Xét thấy, hiện bà T là người tiếp tục nuôi con từ khi bà và ông H ly thân nhau, từ ngày ly thân nhau ông H không một lời hỏi thăm con, bỏ mặc không quan tâm gì đến mẹ con bà T, chứng tỏ ông H không có trách nhiệm đối với con cái, đã vi phạm nghĩa vụ làm một người chồng, một người cha. Tại Tòa bà T cam đoan sẽ đảm bảo lo cho con có một cuộc sống lành mạnh, tạo đủ mọi điều kiện chăm sóc cho con về mọi mặt cả thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy, nghĩ nên tiếp tục giao cho bà T nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà T xác định hiện nay bà và ông H không có tài sản chung chỉ có tài sản riêng của ông H, bà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà Nguyễn Thạch T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thạch T đối với ông Lê Văn H. Bà T được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thanh S, sinh ngày 10/7/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Bà T không được ngăn cản ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thạch T phải nộp **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Bà T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0026035 ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà T đã nộp đủ án phí.

[3] Quyền kháng cáo của bà Nguyễn Thạch T là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/8/2019), đối với ông Lê Văn H vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND (Tỉnh - Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND xã (thị trấn);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Văn Lấy